

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Hiện và ông Nguyễn Quang Châu.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/6/2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐHPT-HNGĐ, ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1984. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Khắc Dương L, sinh năm 1984. Vắng mặt lần 2 không lý do.

Cùng địa chỉ: thôn Nam H, xã Nam Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 29/5/2020) quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trịnh Thị M trình bày:*

Chị Trịnh Thị M và anh Lê Khắc Dương L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Đà, huyện Krông Nô trên tinh thần tự nguyện không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống anh, chị thường xuyên mâu thuẫn do không có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ, anh L lại thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về đánh đập chị M, đến nay chị M không thể chịu đựng được nữa, tình cảm yêu thương dành cho anh L không còn, vì vậy chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L.

Về yêu cầu nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2020, nộp trực tiếp ngày 29/5/2020, chị M có nguyện vọng được nuôi 02 con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005. Tại phiên tòa chị M thay đổi yêu cầu nuôi con chung, chị có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005 đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 cho anh Lê Khắc Dương L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Khắc Dương L trình bày:* Anh L công nhận mối quan hệ hôn nhân của anh chị đúng như lời trình bày của chị M. Trong cuộc sống vợ chồng anh L nhận thấy chị M không chăm lo cho gia đình, chồng con, có thái độ coi thường gia đình anh, từ đầu năm 2020 đến nay anh chị đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn được nữa, anh L đồng ý ly hôn với chị M.

Về yêu cầu nuôi con chung, anh L không đồng ý yêu cầu của chị M, anh có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 và Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

Về quan hệ hôn Nhân chị Trịnh Thị M được ly hôn với anh Lê Khắc Dương L.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 cho anh Lê Khắc Dương L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Giao con chung Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005 cho chị Trịnh Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là anh Lê Khắc Dương L có nơi cư trú tại thôn Nam H, xã Nam Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị M và anh Lê Khắc Dương L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 trên tinh thần tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ngày 18/02/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Chị M cho rằng anh chị thường xuyên mâu thuẫn do không có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ, anh L lại thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về đánh đập chị M. Anh L thì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng chị M không chăm lo cho gia đình, chồng con, lại có thái độ coi thường gia đình anh.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2020 tại thôn Nam H, xã Nam Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông thì địa phương không nhận được yêu cầu bảo vệ cũng như giải quyết mâu thuẫn nào từ phía chị M, anh L, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế, từ đầu năm 2020 đến nay chị M và cháu Lê Thị D đã bỏ đi, anh chị không còn chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc anh L và chị M bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, anh chị lại không chung sống với nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến cả hai bị tổn thương, tìm đến cách sống riêng của mình làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, chị M cương quyết ly hôn, anh L không muốn đoàn tụ mà đồng ý ly hôn vì vậy cần căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh L và chị M.

[2.2]. Về yêu cầu con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 05/6/2020, con chung Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005 có nguyện vọng được ở cùng với chị Trịnh Thị M; Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 11/6/2020, con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 có nguyện vọng được ở cùng với anh Lê Khắc Dương L.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Hội đồng xét xử xét thấy anh L và chị M không thỏa thuận với nhau về yêu cầu nuôi con chung, anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung tuy nhiên cháu Lê Thị D lại có nguyện vọng được ở cùng với chị M, từ đầu năm 2020 đến nay cháu D đã cùng chị M không còn sống chung với anh L, nếu giao cháu Duyên cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành sẽ không đúng với nguyện vọng được ở cùng mẹ của cháu, làm tăng khoảng cách giữa anh L và cháu D, gây áp lực đến tâm lý của cháu, cháu D đang ở độ tuổi vị thành niên, lại là con gái vì vậy nếu sống cùng với chị M sẽ phù hợp cho việc chăm sóc, giáo dục hơn khi ở cùng anh L.

Vì vậy cần giao con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 cho anh Lê Khắc Dương L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Giao con chung Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005 cho chị Trịnh Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Lê Khắc Dương L và chị Trịnh Thị M có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị M được ly hôn với anh Lê Khắc Dương L.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Lê Khắc Đ, sinh ngày 27/10/2003 cho anh Lê Khắc Dương L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Giao con chung Lê Thị D, sinh ngày 11/12/2005 cho chị Trịnh Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Lê Khắc Dương L và chị Trịnh Thị M có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3 Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Trịnh Thị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003002/BL-THA, ngày 29/5/2020.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Nam Đ, huyện Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Xuân Hoàng**

